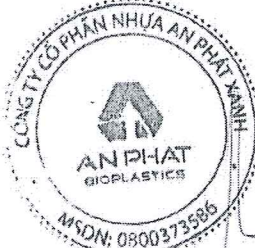
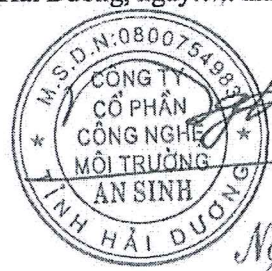


TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 10/2502/2025/449/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh Địa chỉ văn phòng: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương					GPMT số: 449/GPMT-BTNMT ĐT: 0220 3717 555 ĐT: 0220 3717 555		
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh Địa chỉ văn phòng: Lô CN 11+CN 12, Cụm công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) -Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.					Mã số QLCTNH: 30.000045.T ĐT: 02203.755.997 ĐT: 02203.755.997		
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	2	Nghiên, HR
2	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	17	Phối trộn, TĐ
3	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01	9	TĐ, HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	x			18 01 02	22	Tẩy rửa
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH thải	x			18 01 03	6	Tẩy rửa
6	Mực in thải	x			08 02 01	0	TĐ, HR
7	Pin và ắc quy thải	x			19 06 01	1	Phá dỡ
8	Hộp mực in thải	x			08 02 04	14	TĐ, HR
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm TPNH	x			18 02 01	68	TĐ, HR
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử hỏng : bóng đèn, tắc te, bóng lưu điện	x			16 01 13	1	Phá dỡ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (Nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa nhập khẩu:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-17301							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Văn Nam. Ký: <i>Trịnh Văn Nam</i> Ngày: 25/02/2025							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2025  GIÁM ĐỐC <i>Hoàng Anh Búi</i>				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Hải Dương, ngày <i>4</i> tháng <i>3</i> năm 2025 <i>sh</i>  GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Trọng Quang</i>			
@Liên số: 1□- 3□- 4□							

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG



- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 02012025/HĐKT/AS-APX giữa Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường An Sinh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Hôm nay, ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh - Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) - Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

I. Thành phần tham gia gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

- Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) - Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện: Ông (bà): Lê Thị Kim Phượng - Chức vụ: Nhân viên

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

- Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

- Đại diện: Ông: Trịnh Văn Nam - Chức vụ: Nhân viên

II. Nội dung:

Hai bên cùng nhau thống nhất bàn giao nghiệm thu khối lượng chất thải được vận chuyển như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	2	
2	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	17	
3	Bao bì mềm chứa TPNH	18 01 01	Kg	9	
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	Kg	22	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH thải	18 01 03	Kg	6	
6	Mực in thải	08 02 01	Kg	0	
7	Pin và ắc quy thải	19 06 01	Kg	1	
8	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	14	
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	68	
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử hỏng: bóng đèn, tắc te, bóng lưu điện	16 01 13	Kg	1	
	Tổng			140	

III. Kết luận:

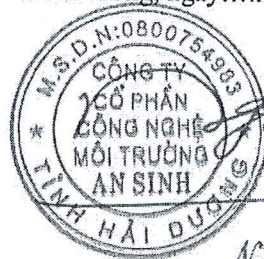
Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lê Thị Kim Phượng

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trịnh Văn Nam

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 06/0204/2025/449/GPMT-BTNMT				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh Địa chỉ văn phòng: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương						GPMT số: 449/GPMT-BTNMT ĐT: 0220 3717 555 ĐT: 0220 3717 555	
3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh Địa chỉ văn phòng: Lô CN 11+CN 12, Cụm công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) -Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.						Mã số QLCTNH: 30.000045.T ĐT: 02203.755.997 ĐT: 02203.755.997	
4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	1	Nghiên, HR
2	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	8	Phối trộn, TĐ
3	Bao bì mềm chứa TPNH	x			18 01 01	4	TĐ, HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	x			18 01 02	10	Tẩy rửa
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH thải	x			18 01 03	3	Tẩy rửa
6	Mực in thải	x			08 02 01	0	TĐ, HR
7	Pin và ắc quy thải	x			19 06 01	0	Phá dỡ
8	Hộp mực in thải	x			08 02 04	9	TĐ, HR
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm TPNH	x			18 02 01	15	TĐ, HR
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử hỏng : bóng đèn, tắc te, bóng lưu điện	x			16 01 13	0	Phá dỡ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (Nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-17301							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Văn Nam. Ký: <i>Trịnh Văn Nam</i> Ngày: 02/04/2025							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hải Dương, ngày 02 tháng 04 năm 2025  GIÁM ĐỐC <i>Hoàng Anh Tú</i>				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Hải Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2025  GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Trọng Quang</i>			
@Liên số: 1□- 3□- 4□							

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 02012025/HĐKT/AS-APX giữa Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường An Sinh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Hôm nay, ngày 02 tháng 04 năm 2025, tại Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh - Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) - Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

I. Thành phần tham gia gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

- Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Nhà máy số 8) - Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện: Ông (bà): Lê Thị Kim Phượng - Chức vụ: Nhân viên

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

- Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

- Đại diện: Ông: Trịnh Văn Nam - Chức vụ: Nhân viên

II. Nội dung:

Hai bên cùng nhau thống nhất bàn giao nghiệm thu khối lượng chất thải được vận chuyển như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	1	
2	Dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	8	
3	Bao bì mềm chứa TPNH	18 01 01	Kg	4	
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	Kg	10	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH thải	18 01 03	Kg	3	
6	Mực in thải	08 02 01	Kg	0	
7	Pin và ắc quy thải	19 06 01	Kg	0	
8	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	9	
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	15	
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử hỏng: bóng đèn, tắc te, bóng lưu điện	16 01 13	Kg	0	
	Tổng			50	

III. Kết luận:

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A


Lê Thị Kim Phượng

ĐẠI DIỆN BÊN B


Trịnh Văn Nam

Thị trấn Nam Sách, ngày 01 tháng 12 năm 2021



HỢP ĐỒNG

VỀ VIỆC THU GOM VẬN CHUYỂN XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT

HD/SỐ 11/2021

- Căn cứ và Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, ký hợp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ vào Quyết định số 169/QĐ-UBND Thị trấn về việc điều chỉnh mức thu dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thị trấn Nam Sách ngày 17/9/2018, có hiệu lực từ ngày 01/10/2018;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay ngày 01 tháng 12 năm 2021

Chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÁT XANH

- Đại diện do bà: Trần Thị Thoán Chức vụ: PT Giám Đốc
- Địa chỉ: Công ty Cổ phần An Phát Xanh
- Lô CN 11+12 – Cụm CN An Đồng – Thị trấn Nam Sách – Nam Sách – Hải Dương
- Mã số thuế: 0800373586

II. ĐẠI DIỆN BÊN B: HTX VỆ SINH MÔI TRƯỜNG THỊ TRẦN NAM SÁCH

- Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu Thắng Chức vụ: Giám đốc HTX
- Địa chỉ: Số nhà 513 đường Trần Phú – Thị trấn Nam Sách – Huyện Nam Sách
- Điện thoại: 0904729063
- Tài khoản: 230320100203 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Nam Sách – tỉnh Hải Dương
- Email: nguyentoan0725@gmail.com
- Mã số thuế: 0801221089

HAI BÊN CÙNG NHAU BÀN BẠC VÀ THỐNG NHẤT VỚI NỘI DUNG NHƯ SAU:

Điều 1: Khối lượng – giá trị

- Bên B thu gom vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt tại Công ty Cổ phần An Phát Xanh (Nhà máy 2+4+6+7) Cụm CN An Đông – Thị trấn Nam Sách
- Bao gồm toàn bộ rác thải sinh hoạt sau đó HTX đưa về bãi rác tập trung của Thị trấn để xử lý.
- Giá trị: 800.000đ/chuyến (tính theo số lượng chuyến hàng tháng)
- Bằng chữ: Tám Trăm Nghìn Đồng Một Chuyến

Điều 2: Tiến độ thực hiện:

- Được thực hiện vào các ngày trong tuần.
- Yêu cầu Công ty đề nghị nhân viên để vào túi, bao hoặc thùng, chậu để thuận tiện cho công nhân vận chuyển.
- Vận chuyển bằng xe ô tô chuyên dụng.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào ngày 25 hàng tháng hoặc theo quý.

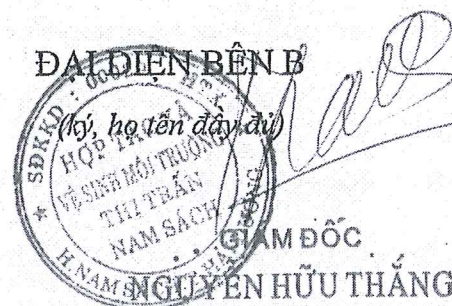
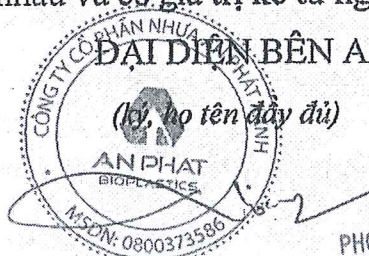
Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên:

1. Bên B: Thu gom rác thải tại Công ty đưa về bãi thải để xử lý theo quy trình, đảm bảo trong lúc vận chuyển luôn sạch sẽ, không để vương vãi. An toàn trong lao động. Tuyệt đối tuân thủ mọi hướng dẫn của nhân viên Công ty.
2. Bên A: Hướng dẫn bên B thu gom theo đúng quy trình. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện theo đúng hợp đồng.

Điều 5: Điều khoản chung:

Hai bên thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản 1, 2, 3, 4 đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu bên nào có khó khăn gì phải thông báo cho nhau để bàn bạc giải quyết, tránh thiệt hại cho bên kia. Nếu hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra trọng tài kinh tế địa phương để giải quyết. Bên nào gây ra thiệt hại thì bên đó phải chịu mọi chi phí trong quá trình giải quyết và phải bồi thường thiệt hại kinh tế của bên kia.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và có giá trị kể từ ngày ký.



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

SỞ XÂY DỰNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 02 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 17 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh.

- Người đại diện: Trần Thị Thoản - Chức vụ: Phó tổng giám đốc.

- Địa chỉ liên hệ: Lô CN11 + CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Số điện thoại: 02203755113.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa:

- Tổng số công trình: 02 công trình.

- Theo thiết kế: Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng.

+ Do Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập.

+ Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Theo khung tên Bản vẽ xin cấp phép xây dựng.

+ Đơn vị thẩm định và phê duyệt thiết kế: Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh.

+ Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty cổ phần quản lý dự án và xây dựng H-D.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế: Theo Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng số 89/TT-TKDT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Công ty cổ phần quản lý dự án và xây dựng H-D.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Trong ranh giới thửa đất số 99 có diện tích 83.999,0m² thuộc tờ bản đồ số 10, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

+ Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020.

2.1. Nhà xưởng sản xuất 02 (ký hiệu số 09 trên bản vẽ Mặt bằng tổng thể trong Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng):

+ Diện tích xây dựng tầng 01: 23.605,0m².

+ Tổng diện tích sàn: 24.010,46m².

+ Chiều cao công trình: 14,345m.

+ Số tầng: 01 tầng + tầng lửng.

+ Cốt nền tầng 01: +0,0m so với cốt mặt sân đường nội bộ.



2.2. Mối nối giữa 02 xưởng sản xuất (ký hiệu số 07 trên bản vẽ Mặt bằng tổng thể trong Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh):

- + Diện tích xây dựng tầng 01: 1.237,0m².
- + Tổng diện tích sàn: 1.237,0m².
- + Chiều cao công trình: 8,71m.
- + Số tầng: 01 tầng.
- + Cốt nền tầng 01: +0,0m so với cốt mặt sân đường nội bộ.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CY 728025 (số vào sổ cấp GCN: CT00064) được UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 19 tháng 4 năm 2022.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Đã khởi công xây dựng công trình (UBND huyện Nam Sách đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 2919/QĐ-XPHC ngày 30 tháng 10 năm 2024).

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

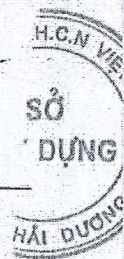
- Như điểm 1;
- UBND huyện Nam Sách;
- Chi cục Giám định xây dựng;
- Thanh tra Xây dựng;
- Lưu: VP, QLXD&HTKT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature)

Nguyễn Trọng Hải



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:.....
.....
.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....
.....
.....
.....

Hải Dương, ngày tháng năm.....





Số: 33 /NT-PCCC

Hải Dương, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC);

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 170/TD-PCCC ngày 25/6/2020 và số 191/TD-PCCC&CNCH ngày 29/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hải Dương.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 281222 ngày 28/12/2022 của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

Người đại diện là Bà: Trần Thị Thoản; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc thường trực

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 10/10/2023 và ngày 19/01/2023; Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hải Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Nhà xưởng sản xuất 01 + phụ trợ (Nhà số 8), Nhà để xe (Nhà số 2), Xưởng cơ khí (Nhà số 3), Nhà xử lý kỹ thuật ATZ (Nhà số 5) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại An Thịnh Phát; Công ty TNHH xây dựng và phát triển Kim Sơn.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần xây lắp ANI; Công ty TNHH Thiết bị PCCC Thành Đông; Công ty TNHH Vinatechcall; Công ty TNHH Hưng Thành Phát.

Quy mô công trình: Nhà xưởng sản xuất 01 + phụ trợ (Nhà số 8) diện tích 22.479,8m², 01 tầng; Nhà để xe (Nhà số 2) diện tích 900m², 01 tầng; Xưởng cơ khí (Nhà số 3) diện tích 250m², 01 tầng; Nhà xử lý kỹ thuật ATZ (Nhà số 5) diện tích 210m², 01 tầng.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Tổng mặt bằng công trình, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa công trình; công năng các hạng mục công trình;
- Lối và đường thoát nạn; giải pháp ngăn chặn cháy lan;
- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống bảo vệ chống khói;
- Các bình chữa cháy; nội quy, tiêu lệnh PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

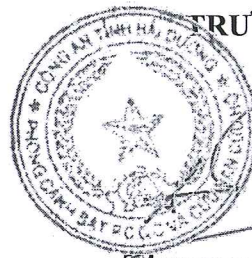
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ. / *forcc*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CAT;
- Đ/c Thượng tá Phạm Chí Hiếu - PGĐ;
- Sở xây dựng;
- Lưu PCCC và CNCH.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Hà Tiến Dũng



CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số PC12
Ban hành kèm theo
Nghị định số 50/2024/NĐ-CP
ngày 10/5/2024

Số: 103 /NT-PCCC

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC);

Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 452/TD-PCCC ngày 15/8/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 02.NM9/ĐNNT ngày 15/4/2025 của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

Người đại diện là Bà: Trần Thị Thoán; Chức vụ: Phó tổng giám đốc thường trực.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 16/01/2025 và ngày 23/4/2025, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình Nhà xưởng sản xuất 02 (Nhà số 09) – Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa như sau:

Địa điểm thực hiện: Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần xây lắp ANI, Công ty TNHH Thiết bị PCCC Thành Đông và Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Gia Thịnh.

Quy mô: Nhà xưởng sản xuất 02 (Nhà số 09) có diện tích xây dựng khoảng 23.586 m², 01 tầng; kết cấu chịu lực khung cột, kèo bằng bê tông cốt thép, mái lợp tôn, tường xây gạch lửng.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Tổng mặt bằng; khoảng cách an toàn PCCC;
- Bố trí công năng; bậc chịu lửa công trình;
- Đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy; lối vào trên cao;
- Giải pháp ngăn cháy; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
- Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà;

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống báo cháy;
- Hệ thống bảo vệ chống khói; cấp điện cho hệ thống PCCC;
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

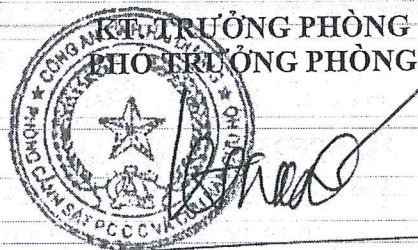
Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;
- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình dẫn đến một trong các trường hợp được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP phải đảm bảo yêu cầu PCCC theo quy định và gửi hồ sơ thiết kế điều chỉnh đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. *Te*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh;
- Đ/c Đại tá Phạm Chí Hiếu – PGĐ CAT;
- Đ/c Trưởng phòng;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Nam Sách;
- Lưu PCCC và CNCH.



Thượng tá Đào Văn Thắng



KHU VỰC KHO THÀNH PHẨM

KHU VỰC ĐÓNG CONT

KHU VỰC MÁY UV

KHU VỰC BĂNG TẢI

NHÀ ĂN

NHÀ NGHỈ

SÂN LÊ TÂN

(V.Y.TE)

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

TRƯỜNG

KHU VỰC MÁY DÁN ĐẾ ĐÓNG GÓI

KHU VỰC MÁY PHAY HÈM

KHU VỰC KỸ THUẬT

KHU VỰC LÂM MÀU

PHÒNG LƯU MÀU

PHÒNG MÀI ĐẠO

KHU VỰC BẮM NGHIỆN

TRẠM BIẾN ÁP

MÁY NÉN KHÍ

PHÒNG ĐIỀU KHIỂN

VP KINH

VP KINH

VP KINH

VP KINH

VP KINH

VP KINH

VP KINH

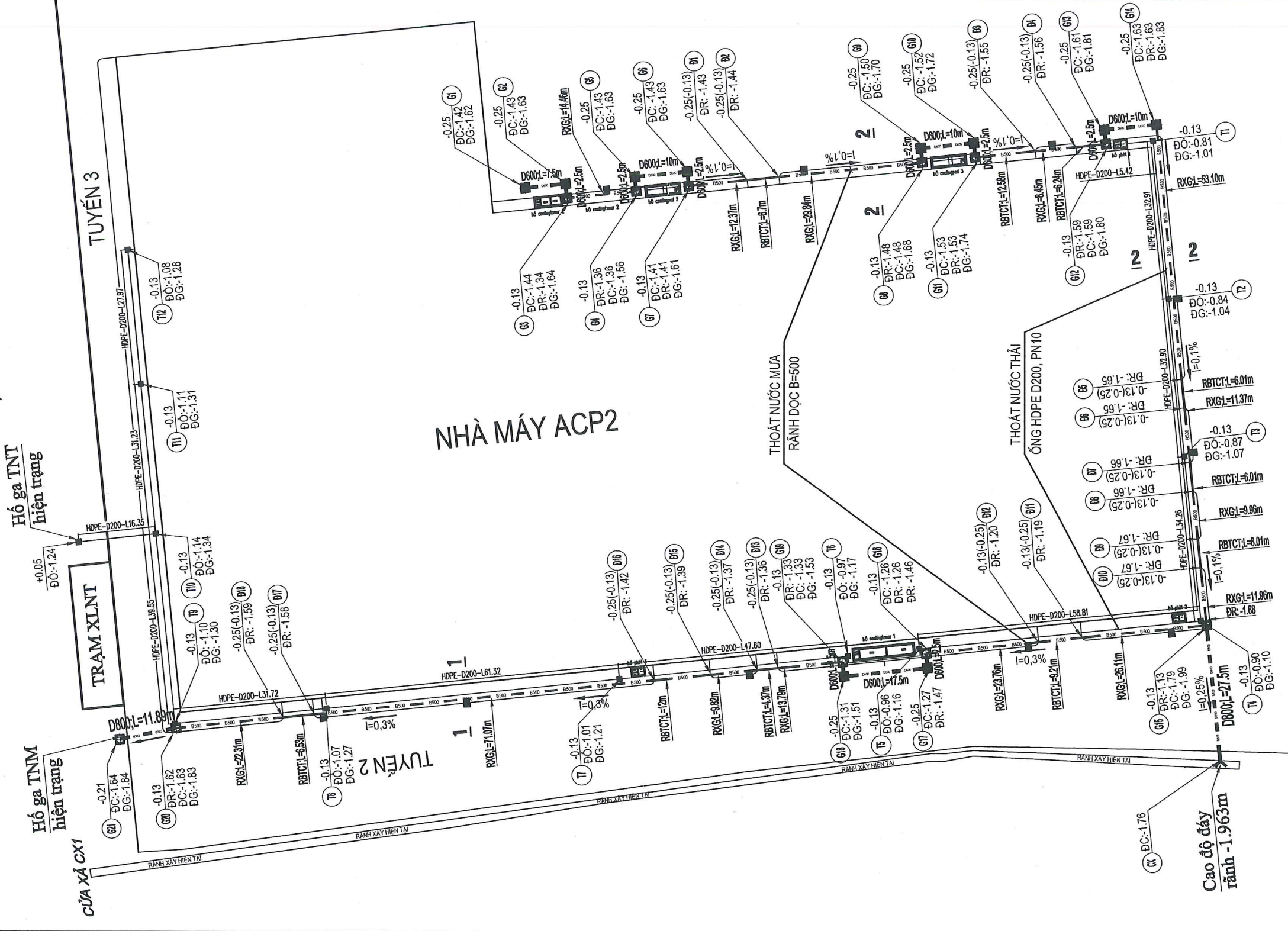
KHU VỰC BĂNG TẢI

KHU VỰC KHO NGUYÊN LIỆU

KHU VỰC MÁY ĐÙN TẮM

KHU VỰC TRỘN NGUYÊN LIỆU

BÌNH ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI



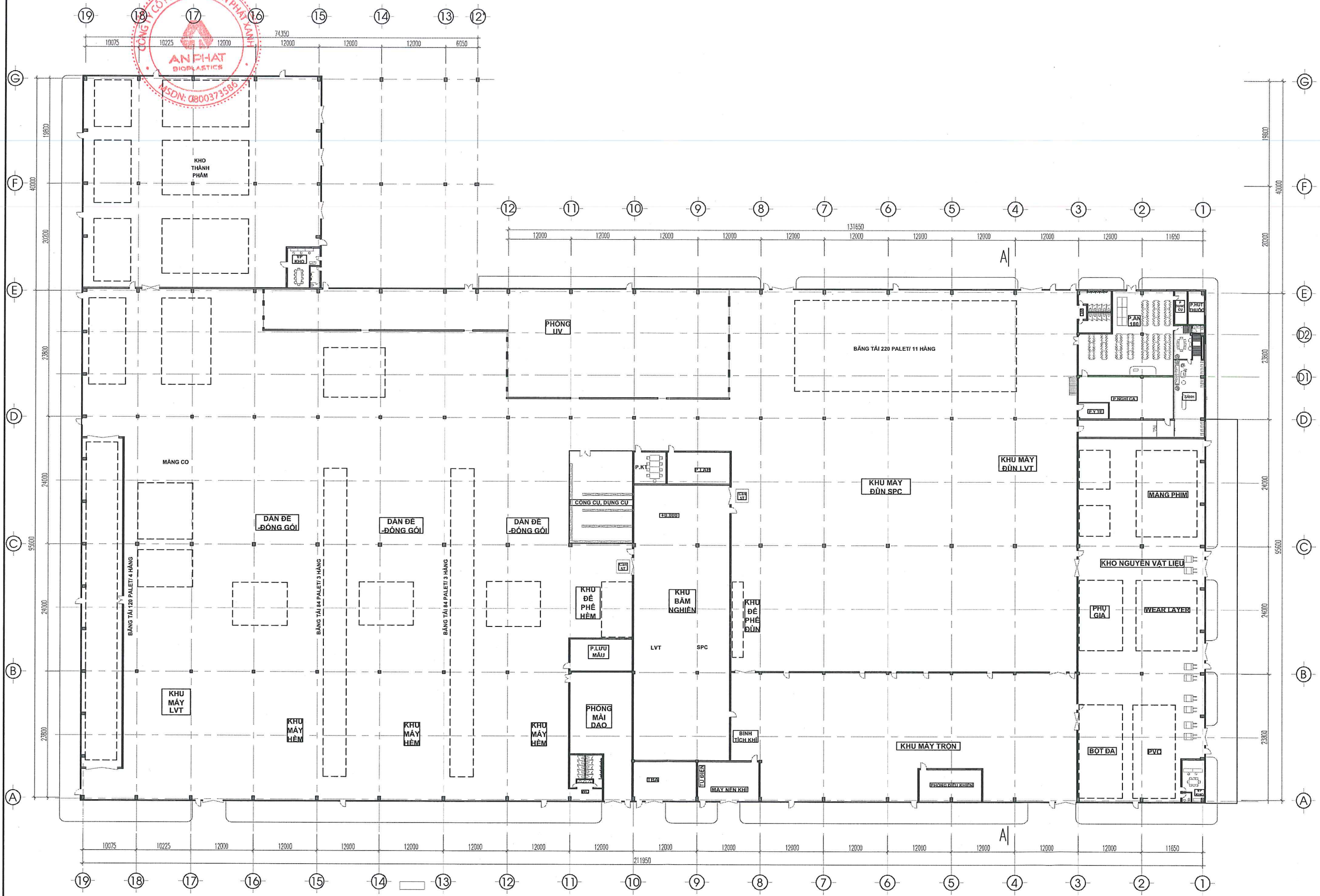
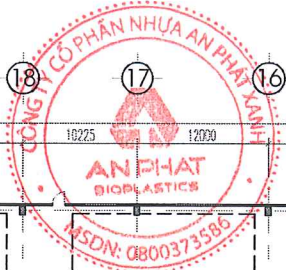
CÁC KÝ HIỆU

- B500
- RÁNH B500
- RÁNH B500 CHỊU LỰC
- M500
- TẦM CÔNG TRƠN D600
- D600
- TẦM CÔNG TRƠN D800
- D800
- CỬA THU NƯỚC TRỰC TIẾP
- TẦM GI THỤ NƯỚC
- HỒ GA TẦM KT 140X140
- CẮC GA G1, G2, G5, G6, G8, G10, G15, G14, G17, G18
- G25
- TÊN GA

CAO ĐỘ NÁP HỒ GA
TÊN GA
CAO ĐỘ ĐÁY RÁNH
CAO ĐỘ ĐÁY RÁNH CÔNG
CAO ĐỘ ĐÁY GA
(Chỉ tiết kích thước cao độ hố ga
xem bình đồ và bản vẽ kèm theo)

CAO ĐỘ ĐỈNH RÁNH TRƯỚC
CAO ĐỘ ĐỈNH RÁNH SAU
CAO ĐỘ ĐÁY RÁNH
TÊN GA
CAO ĐỘ NÁP HỒ GA NT
TÊN GA TNT
CAO ĐỘ ĐÁY RÁNH HDPE
CAO ĐỘ ĐÁY GA NT

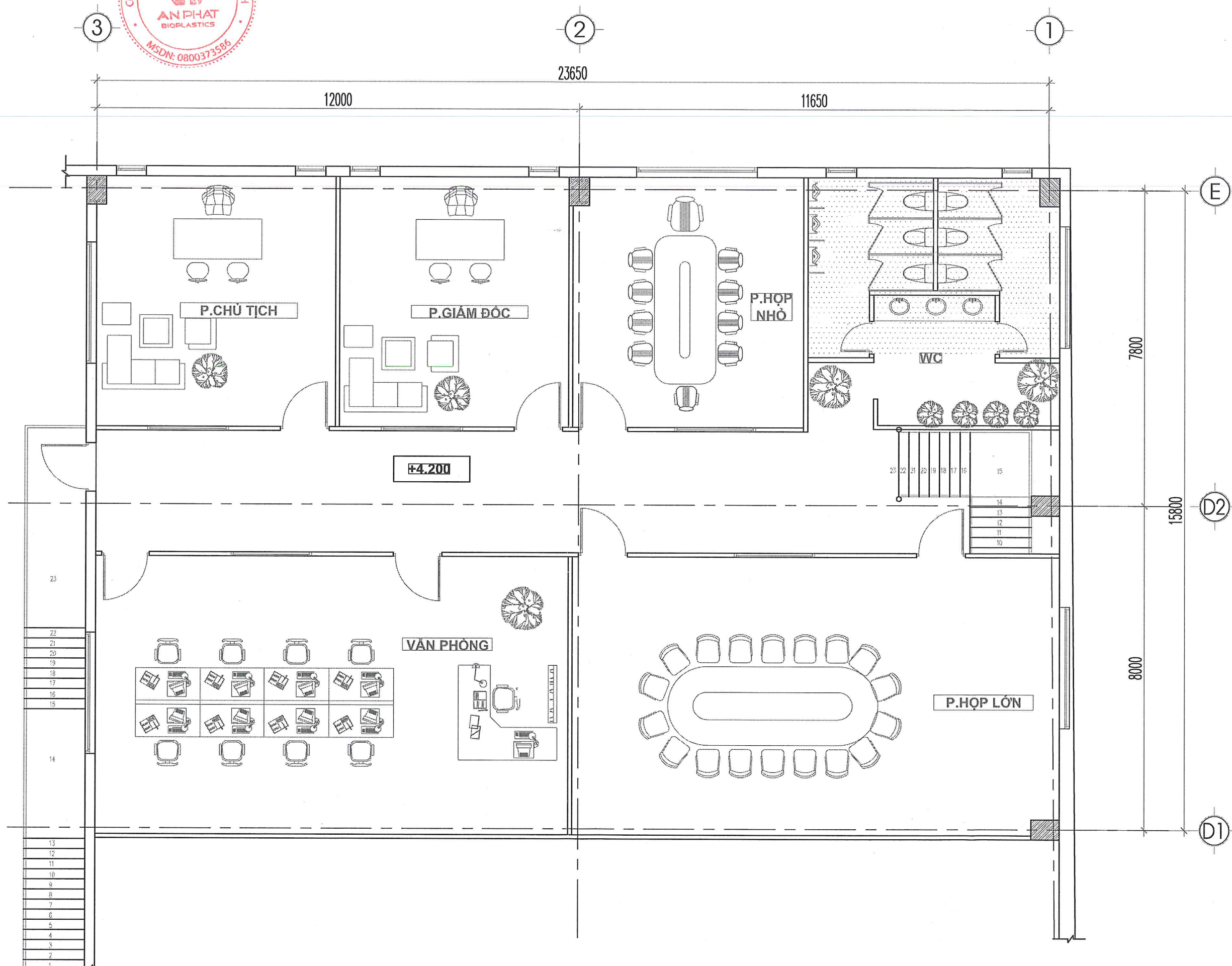
RBTCT, L=8.5m: RÁNH BÊ TÔNG CỐT THÉP
RXG, L=11.5m: RÁNH XÂY GẠCH



MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG 2



MẶT BẰNG TẦNG 2- KHỐI VĂN PHÒNG



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3313 /SNNMT-QLMT

V/v thông báo kết quả vận hành thử nghiệm công
trình xử lý chất thải “Nhà máy sản xuất hạt nhựa
và sản phẩm từ nhựa” của Công ty cổ phần
nhựa An Phát Xanh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Công văn số 120501/CVAP ngày 12/5/2025 của Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh kèm theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của “Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa” tại Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm và kết quả kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của “Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa”, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo như sau:

1. “Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa” của Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh tại Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (sau đây được gọi là Nhà máy) được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 868/GPMT-UBND ngày 10/4/2024. Theo nội dung cấp phép, Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh phải thực hiện vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống xử lý nước thải, công suất 100m³/ngày đêm.

2. Theo báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Công ty và kết quả kiểm tra thực tế cho thấy:

- Công trình xử lý chất thải của Nhà máy cơ bản phù hợp với Giấy phép môi trường đã được UBND tỉnh cấp. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải đang vận hành.

- Trong thời gian vận hành thử nghiệm, Công ty đã thực hiện lấy mẫu đánh giá hiệu quả xử lý các hệ thống xử lý chất thải với tần suất, vị trí, thông số theo nội dung cấp phép của Giấy phép môi trường số 868/GPMT- UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh. Kết quả quan trắc các mẫu nước thải sau hệ thống xử lý trong thời gian vận hành thử nghiệm do Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương thực hiện cho thấy:

- Các thông số phân tích trong mẫu nước thải sau xử lý đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép của QCVN40:2011/BTNMT mức A với $K_q = 0,9$; $K_v = 1,1$; QCVN 14:2008/BTNMT mức A với $K = 1$.

3. Trong giai đoạn vận hành, Công ty phải thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung cấp phép tại Giấy phép môi trường số 868/GPMT-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh.

- Vận hành thường xuyên các công trình xử lý chất thải đảm bảo các loại chất thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường tương ứng cho phép.

- Tiến hành thủ tục xin cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường số 868/GPMT-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo để Công ty biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Phòng NN&MT huyện Nam Sách (để p/h);
- Lưu: VT, QLMT (Luyện)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **868** /GPMT-UBND

Hải Dương, ngày **10** tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm
2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần nhựa
An Phát Xanh ngày 04 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
256/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh, địa chỉ tại Lô
CN11+CN12, Cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách,
tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà
máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa tại thị trấn Nam Sách, huyện Nam
Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Dự án nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải
Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800373586 do phòng
Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần
đầu ngày 09/03/2007, đăng ký điều chỉnh lần thứ 36 ngày 10/4/2023; Quyết định
số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc
Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực

hiện Dự án nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (Điều chỉnh lần thứ 4 từ Dự án nhà máy sản xuất bao bì nhựa và hạt nhựa).

1.4. Mã số thuế: 0800373586.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (bao bì, tấm sàn nhựa vật liệu xây dựng).

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 83.999 m² (Trong đó, diện tích xây dựng nhà máy là 83.939,97 m², diện tích các góc vát giao thông là 59,03m²).

- Công suất:

+ Sản xuất bao bì màng phức hợp, màng PE: 4.800 tấn/năm.

+ Sản xuất hạt nhựa compound: 1.200 tấn/năm.

+ Phân tách, làm sạch các loại hạt nhựa (HDPE, LDPE, LLDPE, PP,...): 1.200 tấn/năm.

+ Sản xuất tấm sàn nhựa và vật liệu xây dựng: 6.000.000 m²/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật. ~~AS~~

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Nam Sách;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b) *✓*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản



Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 868./GPMT-UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà xưởng số 8.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà xưởng số 9.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa hạt nhựa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước cạnh Dự án (thuộc quản lý của UBND thị trấn Nam Sách), sau đó được dẫn vào hệ thống kênh T11 Trạm bơm Ngọc Trì, huyện Nam Sách (do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi - UBND huyện Nam Sách quản lý).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại rãnh thoát nước cạnh Dự án thuộc địa phận thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m): 2322288; Y(m): 588246.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24h/24h.

2.3.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN14:2008/BTNMT mức A (giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K=1,0$) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN40:2011/BTNMT mức A (giá trị $C_{\max}$ với hệ số $K_q=0,9$; $K_f=1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN14:2008 /BTNMT, mức A ($C_{\max}$ với $K=1,0$)	QCVN40:2011 /BTNMT, mức A ($C_{\max}$ với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$)		
1	pH	-	5÷9	6÷9	Không	Không

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	29,7	thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
3	COD	mg/l	-	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	49,5		
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500	-		
6	Sunfua (S ²⁻), tính theo H ₂ S	mg/l	1,0	0,198		
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N), tính theo Nito	mg/l	5,0	4,95		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻), tính theo N	mg/l	30	-		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻), tính theo P	mg/l	6	-		
10	Asen (As)	mg/l	-	0,0495		
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	0,00495		
12	Chì (Pb)	mg/l	-	0,099		
13	Cadimi (Cd)	mg/l	-	0,0495		
14	Đồng (Cu)	mg/l	-	1,98		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	-	2,97		
16	Sắt (Fe)	mg/l	-	0,99		
17	Tổng Nito	mg/l	-	19,8		
18	Tổng Photpho	mg/l	-	3,96		
19	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	-		
20	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	-		
21	Coliform	MPN/100ml	3.000	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ 3 khu nhà vệ sinh nhà xưởng số 08 sau khi xử lý sơ bộ tại bể phốt theo đường ống HDPE DN200, dài 354m, $I = 0,1\%$ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm của nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt từ 4 khu nhà vệ sinh nhà xưởng số 09 sau khi xử lý sơ bộ tại bể phốt theo đường ống HDPE DN200, dài 361m, $I = 0,1\%$ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm của nhà máy.

- Nước thải từ khu nhà ăn tại nhà xưởng số 08 sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ theo đường ống HDPE DN200, dài 150m, $I = 0,1\%$ dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm của nhà máy.

b) Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

- Đối với nước thải phát sinh từ công đoạn phân loại hạt (rửa hạt): Nước được sử dụng tuần hoàn theo chu trình: Nước từ máng rửa $\rightarrow$ ống mềm dài 3m $\rightarrow$ bể chứa (trong nhà xưởng) $\rightarrow$ ống PVC D60, dài 20m, bơm công suất $52\text{m}^3/\text{h}$ $\rightarrow$ bể lắng (3 ngăn, $V = 100\text{m}^3$) $\rightarrow$ bơm theo ống PVC D60 về lại máng rửa.

- Định kỳ 2 tuần/lần, Công ty tiến hành thay thế toàn bộ nước tuần hoàn này bằng nước mới. Khi thay thế, toàn bộ nước thải được bơm công suất $52\text{m}^3/\text{h}$ bơm theo đường ống UPVC D60, dài 300m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm cùng với nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước làm mát máy móc và hạt nhựa: Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn và không thải ra ngoài môi trường. Hệ thống thu gom và tuần hoàn nước làm mát: Nước từ bể chứa $\rightarrow$ ống PVC D60 $\rightarrow$ vào vị trí cần làm mát $\rightarrow$ ống PVC D60 $\rightarrow$ thiết bị tản nhiệt $\rightarrow$ bể chứa $\rightarrow$ bơm theo ống PVC D60 vào vị trí cần làm mát.

- Đối với nước làm mát nhà xưởng: Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn và không thải ra ngoài môi trường. Hệ thống thu gom và tuần hoàn nước làm mát: Nước từ bể chứa $\rightarrow$ ống PVC D42 $\rightarrow$ hệ thống làm mát coolingpad $\rightarrow$ ống PVC D42 $\rightarrow$ bể chứa.

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi được xử lý đạt quy chuẩn theo đường ống HDPE DN200, dài 67m đầu nối vào rãnh xây dọc dự án kích thước $B \times H = 1.200$ thuộc quản lý của thị trấn Nam Sách. Nước từ rãnh này được dẫn vào hệ thống kênh T11 Trạm bơm Ngọc Trì, huyện Nam Sách (do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi - UBND huyện Nam Sách quản lý).

Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^\circ 30'$, múi giờ 3^o): X(m): 2322288; Y (m): 588246.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình xử lý nước thải sơ bộ

* Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- 07 bể phốt tương ứng với các khu nhà vệ sinh bao gồm: 03 bể phốt tại 03 nhà vệ sinh nhà xưởng số 08 có thể tích $V = 3,5\text{m}^3/\text{bể}$ ($1,3\text{m} \times 2,2\text{m} \times 1,2\text{m}$) và 04

bể phốt tại 04 nhà vệ sinh nhà xưởng số 09 có thể tích $V = 3,5\text{m}^3/\text{bể}$ ($1,3\text{m} \times 2,2\text{m} \times 1,2\text{m}$).

- 01 bể tách mỡ tương ứng với khu nhà ăn tại nhà xưởng số 08 có thể tích $V = 1,5\text{m}^3$ ($1\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$).

* Công trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất:

- Bể lắng công đoạn rửa hạt tại nhà xưởng số 08: Bể $V = 100\text{m}^3$ ($7,25\text{m} \times 5,57\text{m} \times 2,5\text{m}$), bể xây gạch, chia 3 ngăn thông nhau, trát vữa xi măng chống thấm; Số lượng 3 bể (02 bể sử dụng luân phiên và 01 bể dự phòng).

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất chung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ bể thu gom $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể thiếu khí anoxic $\rightarrow$ bể hiếu khí FBR $\rightarrow$ bể lắng sinh học $\rightarrow$ bể trung gian $\rightarrow$ bồn lọc áp lực $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ hồ ga kiểm soát $\rightarrow$ nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất xử lý: $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật: Bể thu gom: $2,75\text{m}^3$; bể điều hòa: $57,6\text{m}^3$; bể thiếu khí anoxic: $80,5\text{m}^3$; bể hiếu khí FBR: $38,5\text{m}^3$; bể lắng sinh học: $33,63\text{m}^3$; bể tách bùn: $1,715\text{m}^3$; bể chứa bùn: $15,26\text{m}^3$; bể trung gian: $3,528\text{m}^3$; bể khử trùng: $8,18\text{m}^3$; bồn lọc áp lực ($D=700\text{mm}$, $H=2.100\text{mm}$); hồ ga kiểm soát: $0,245\text{m}^3$.

- Hóa chất sử dụng: Cơ chất dinh dưỡng 2 kg/ngày; cơ chất metanol: 6 kg/ngày; Nước Javen: 1,5 kg/ngày.

- Chất lượng nước thải đầu ra: Đạt mức A của QCVN40:2011/BTNMT giá trị $C_{\max}$ với $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$ và mức A của QCVN14:2008/BTNMT giá trị $C_{\max}$ với $K = 1,0$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước thải, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

+ Ghi nhật ký vận hành hệ thống: Lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm, các chất độc, ảnh hưởng của nhiệt độ hàng ngày.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cụ thể: 01 máy bơm công suất $1,5\text{kW}/380\text{V}$; 01 máy thổi khí công suất $2,2\text{KW}$; 01 máy bơm công suất $0,5\text{kW}/380\text{V}$.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy để hỗ trợ, khắc phục.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ xả

thải khi đạt tiêu chuẩn.

+ Trường hợp vỡ đường ống dẫn nước thải: Ngắt bơm đẩy nước thải về hệ thống, dồn nước thải tạm về hồ gom, đặt bơm hút hết lượng nước thải phát sinh về bể gom để xử lý, nhanh chóng nối lại ống bị vỡ và đưa vào vận hành bình thường.

+ Trường hợp phát hiện bơm chính trong các bể bị hỏng, dừng hoạt động: Sử dụng các bơm dự phòng để thay thế, đưa các bơm hỏng đi sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian nhanh nhất.

+ Khi xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại các bể trong hệ thống xử lý và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Khi sự cố kéo dài, Công ty ký hợp đồng với Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh đơn vị có chức năng thu gom và xử lý nước thải trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Bắt đầu từ ngày 01/12/2024 và kết thúc vào ngày 31/5/2025.

2.2 Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

01 hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ ngày đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu

01 mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại hồ ga sau xử lý.

2.2.2 Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3 Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần nhựa An Phát

Xanh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.6. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.7. Trong quá trình xả thải vào môi trường, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước chung, Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nam Sách.

3.8. Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~868~~../GPMT-UBND
ngày ~~10~~ tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do khí thải phát sinh tại dự án sau xử lý được thoát ra môi trường trong nhà xưởng. Khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Đối với công đoạn phối trộn (hoạt động sản xuất tấm sàn): Lắp đặt 04 hệ thống lọc bụi tương ứng với 04 máy trộn. Bụi phát sinh theo chụp hút kích thước 1.200x1.000mm và đường ống kẽm D200 được quạt hút dẫn vào hệ thống lọc bụi túi. Khi qua túi lọc, bụi được giữ lại phía trong, khí sạch theo các lỗ thoát ra ngoài môi trường xung quanh nhà xưởng.

- Đối với công đoạn băm nghiền (hoạt động sản xuất tấm sàn): Lắp đặt 02 hệ thống lọc bụi tương ứng với 06 máy băm nghiền (03 máy băm nghiền đầu nối chung vào 01 hệ thống lọc bụi). Bụi phát sinh theo chụp hút kích thước 1.200x1.000mm và đường ống kẽm D200 được quạt hút dẫn vào hệ thống lọc bụi túi. Khi qua túi lọc, bụi được giữ lại phía trong, khí sạch theo các lỗ thoát ra ngoài môi trường xung quanh nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Công trình, thiết bị xử lý bụi tại công đoạn phối trộn

- Tóm tắt quy trình:

Bụi → chụp hút → ống dẫn → hệ thống lọc bụi túi → quạt hút → môi trường nhà xưởng.

- Công suất thiết kế: 7.500 m³/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

+ Chụp hút: Số lượng 04 chiếc, kích thước 1.200x1.000mm, vật liệu: thép không gỉ.

+ Hệ thống đường ống: Ống kẽm D200.

+ Quạt hút: Số lượng 04 chiếc, xuất xứ: Trung Quốc, công suất: $7.500\text{m}^3/\text{h}/\text{chiếc}$.

+ Thiết bị lọc bụi túi: Số lượng 04 thiết bị hình trụ, D800, chiều cao $H=1.200\text{mm}$, vật liệu thép; Túi lọc: vải limex, gồm 8 túi nhỏ, rũ bụi bằng khí nén, tần suất rũ bụi: 2 phút/lần.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

* Công trình, thiết bị xử lý bụi tại công đoạn băm nghiền

- Tóm tắt quy trình:

Bụi → chụp hút → ống dẫn → hệ thống lọc bụi túi → quạt hút → môi trường nhà xưởng.

- Công suất thiết kế: $15.000\text{ m}^3/\text{h}$.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

+ Chụp hút: Số lượng 06 chiếc, kích thước $1.200 \times 1.000\text{mm}$, vật liệu: thép không gỉ.

+ Hệ thống đường ống: Ống kẽm D200.

+ Quạt hút: Số lượng 02 chiếc, xuất xứ: Trung Quốc, công suất: $15.000\text{m}^3/\text{h}/\text{chiếc}$.

+ Thiết bị lọc bụi túi: Số lượng 02 thiết bị hình trụ, D800, chiều cao $H=1.200\text{mm}$, vật liệu thép; Túi lọc: vải limex, gồm 8 túi nhỏ, rũ bụi bằng khí nén, tần suất rũ bụi: 2 phút/lần.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành thiết bị thu hồi, xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Quạt hút (công suất $7.500\text{ m}^3/\text{h}$ và công suất $15.000\text{ m}^3/\text{h}$), túi lọc, vật tư đường ống để kịp thời thay thế khi hỏng hóc, sửa chữa.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

+ Trước mỗi ca làm việc đều phải có công tác kiểm tra hệ thống để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Biện pháp khắc phục sự cố:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị cung cấp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

- + Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.
- + Trong trường hợp xảy ra sự cố khí thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì hệ thống xử lý khí thải của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải

3.3. Công ty cổ phần nhựa An Phát Xanh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



